

Học phần: Mô phỏng hệ thống truyền thông**Nhóm: TEL1412-04****Số tín chỉ:****2****Ngày thi: 31/5/2016****Giờ thi: 15h00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	20	50		
1	B12DCVT294	Lê Tuấn Anh	D12CQVT07-B	9,0	7,0	8,0	9,0	5,0	6,7	
2	B12DCVT048	Lê Văn Tuấn Anh	D12CQVT02-B	7,0	5,0	8,0	8,0	3,0	5,1	
3	B12DCVT295	Trần Thị Vân Anh	D12CQVT07-B	9,0	6,0	8,0	6,0	3,5	5,3	
4	B12DCVT194	Bùi Đình Bằng	D12CQVT05-B	9,0	9,0	7,0	6,0	6,0	6,7	
5	B12DCVT150	Nguyễn Việt Cường	D12CQVT04-B	9,0	7,0	7,0	3,0	5,5	5,7	
6	B12DCVT196	Nguyễn Văn Đạt	D12CQVT05-B	9,0	7,0	8,0	7,0	3,5	5,6	
7	B12DCVT248	Chu Tiến Đức	D12CQVT06-B	9,0	6,0	8,0	8,0	6,5	7,2	
8	B12DCVT104	Trần Mạnh Dũng	D12CQVT03-B	9,0	5,0	7,0	7,0	6,0	6,5	
9	B12DCVT053	Chu Đại Dương	D12CQVT02-B	9,0	7,0	7,0	8,0	6,0	6,9	
10	B12DCVT054	Nguyễn Hữu Giang	D12CQVT02-B	9,0	5,0	7,0	8,0	5,5	6,5	
11	B12DCVT108	Nguyễn Thị Hà Giang	D12CQVT03-B	9,0	6,0	6,0	5,0	3,0	4,6	
12	B12DCVT009	Kiều Duy Giáp	D12CQVT01-B	9,0	6,0	8,0	7,0	2,0	4,7	
13	B12DCVT159	Hoàng Xuân Hải	D12CQVT04-B	9,0	8,0	8,0	7,0	8,5	8,2	
14	B12DCVT257	Nguyễn Thị Hằng	D12CQVT06-B	9,0	8,0	8,0	7,0	4,0	5,9	
15	B12DCVT307	Hoàng Văn Hạnh	D12CQVT07-B	9,0	5,0	8,0	7,0	2,5	4,9	
16	B12DCVT057	Phạm Văn Hào	D12CQVT02-B	9,0	8,0	8,0	7,0	7,0	7,4	
17	B12DCVT058	Trần Minh Hiền	D12CQVT02-B	7,0	7,0	8,0	4,0	4,0	5,0	
18	B12DCVT309	Nguyễn Huy Hoàng	D12CQVT07-B	9,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	
19	B12DCVT310	Lại Đăng Hưng	D12CQVT07-B	9,0	9,0	8,0	8,0	5,0	6,7	
20	B12DCVT208	Trần Việt Hưng	D12CQVT05-B	5,0	8,0	8,0	6,0	2,5	4,6	
21	B12DCVT260	Vũ Trọng Hưởng	D12CQVT06-B	9,0	7,0	7,0	7,0	7,0	7,2	
22	B12DCVT312	Vũ Văn Hưu	D12CQVT07-B	7,0	6,0	8,0	4,0	3,0	4,4	
23	B12DCVT017	Đào Quang Huy	D12CQVT01-B	9,0	6,0	8,0	7,0	6,0	6,7	
24	B12DCVT018	Nguyễn Duy Huy	D12CQVT01-B	7,0	5,0	8,0	7,0	3,5	5,2	
25	B12DCVT117	Nguyễn Quốc Huy	D12CQVT03-B	2,0		6,0	5,0		1,8	Không đủ ĐKDT
26	B12DCVT118	Nguyễn Thị Huyền	D12CQVT03-B	9,0	6,0	6,0	5,0	5,0	5,6	
27	B12DCVT068	Nguyễn Thị Trang Huyền	D12CQVT02-B	10,0	7,0	10,0	10,0	8,0	8,7	
28	B12DCVT119	Nguyễn Ngọc Khánh	D12CQVT03-B	9,0	7,0	8,0	8,0	2,5	5,3	
29	B12DCVT166	Nguyễn Đăng Kiên	D12CQVT04-B	6,0	7,0	7,0	6,0	3,5	5,0	
30	B12DCVT021	Tạ Xuân Kiên	D12CQVT01-B	2,0	7,0		3,0		1,5	Không đủ ĐKDT
31	B12DCVT169	Nguyễn Việt Linh	D12CQVT04-B	9,0	9,0	8,0	7,0	6,0	7,0	
32	B12DCVT269	Lê Duy Mạnh	D12CQVT06-B	9,0	9,0	6,0	9,0	2,0	5,2	
33	B12DCVT216	Nguyễn Khắc Minh	D12CQVT05-B	9,0	7,0	7,0	8,0	5,0	6,4	
34	B12DCVT243	Dương Thị Mỹ	D12CQVT05-B	9,0	8,0	8,0	4,0	5,0	5,8	
35	B12DCVT325	Nguyễn Ngọc Oanh	D12CQVT07-B	9,0	6,0	8,0	6,0	2,0	4,5	
36	B12DCVT076	Đỗ Đăng Quân	D12CQVT02-B	9,0	7,0	7,0	7,0	5,5	6,5	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	20	50		
37	B12DCVT328	Nguyễn Đình Quang	D12CQVT07-B	2,0	4,0	4,0	8,0	4,0	4,6	
38	B12DCVT128	Nguyễn Duy Quang	D12CQVT03-B	9,0	5,0	8,0	7,0	5,0	6,1	
39	B12DCVT077	Hoàng Thị Như Quỳnh	D12CQVT02-B	7,0	6,0	7,0	7,0	3,5	5,2	
40	B12DCVT229	Đỗ Đăng Thái	D12CQVT05-B	9,0	7,0	8,0	7,0	5,5	6,6	
41	B12DCVT230	Nguyễn Văn Thắng	D12CQVT05-B	9,0	9,0	9,0	7,0	6,0	7,1	
42	B12DCVT033	Cao Văn Thắng	D12CQVT01-B	7,0	6,0	8,0	5,0	5,5	5,9	
43	B12DCVT278	Nguyễn Đức Thắng	D12CQVT06-B	9,0	9,0	8,0	6,0	5,0	6,3	
44	B12DCVT279	Nguyễn Đức Thắng	D12CQVT06-B	9,0	9,0	8,0	7,0	2,5	5,3	
45	B12DCVT080	Nguyễn Gia Thắng	D12CQVT02-B	10,0	7,0	10,0	9,0	6,5	7,8	
46	B12DCVT231	Nguyễn Hữu Thắng	D12CQVT05-B	9,0	6,0	8,0	8,0	5,5	6,7	
47	B12DCVT083	Nguyễn Phương Thảo	D12CQVT02-B	9,0	8,0	8,0	8,0	3,0	5,6	
48	B12DCVT335	Hoàng Hữu Thuận	D12CQVT07-B	7,0	10,0	8,0	6,0	5,5	6,5	
49	B12DCVT336	Vũ Đức Thuận	D12CQVT07-B	7,0	6,0	8,0	8,0	5,0	6,2	
50	B12DCVT285	Nguyễn Ngọc Thúy	D12CQVT06-B	9,0	7,0	8,0	8,0	7,5	7,8	
51	B12DCVT037	Nguyễn Đức Tiến	D12CQVT01-B	7,0	7,0	8,0	7,0	3,5	5,4	
52	B12DCVT286	Phan Minh Trí	D12CQVT06-B	6,0	8,0	6,0	8,0	5,0	6,1	
53	B12DCVT287	Dương Thế Trọng	D12CQVT06-B	10,0	9,0	10,0	9,0	10,0	9,7	
54	B12DCVT339	Nguyễn Thành Trung	D12CQVT07-B	9,0	4,0	7,0	5,0	2,0	4,0	
55	B12DCVT089	Trần Văn Trường	D12CQVT02-B	1,0		6,0			0,7	Không đủ ĐKDT
56	B12DCVT040	Vương Văn Trường	D12CQVT01-B	9,0	5,0	8,0	5,0	5,5	6,0	
57	B12DCVT090	Nguyễn Ngọc Tú	D12CQVT02-B	9,0	9,0	8,0	8,0	7,0	7,7	
58	B12DCVT143	Lê Sỹ Việt	D12CQVT03-B	2,0	7,0	6,0			1,5	Không đủ ĐKDT
59	B12DCVT094	Lê Văn Vượng	D12CQVT02-B	7,0	6,0	8,0	9,0	6,0	6,9	
60	0921010235	Đặng Công Việt	D10VT3	1,0	5,0				1,0	Không đủ ĐKDT

Ghi chú:

- Số SV theo DS:	60	SV	- Số SV dự thi:	55	SV
- Số SV thi đạt:	55	SV	- Số SV vắng thi:	0	SV
- Số SV thi không đạt:	5	SV	- Số SV vắng thi có phép:	0	SV
- Số SV thi lại:	0	SV			

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2016

CÁN BỘ KHỚP PHÁCH

TRƯỞNG TRUNG TÂM

SỐ 1

SỐ 2

Phạm Anh Tuấn

Nguyễn Hoa Cương

Nguyễn Xuân Trường

